

# VỀ CẤU TRÚC MỘT VIỆN CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

PHẠM VĂN CHÚC\*

**Tóm tắt:** Quốc hội Việt Nam hiện nay có cấu trúc một viện, chứ không phải lưỡng viện như nhiều nước. Trong thực tiễn hoạt động, Quốc hội nước ta không có tình trạng phân hóa, đối lập về chính trị giữa các giai cấp, phe nhóm, đảng phái như quốc hội ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa (TBCN). Trên phạm vi toàn hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp cũng không xảy ra mâu thuẫn, xung đột, khủng hoảng. Nhân tố quyết định đảm bảo cho sự thống nhất, ổn định đó chính là sự lãnh đạo của Đảng. Mô hình tổ chức Quốc hội nước ta hiện nay theo mô hình một viện là phù hợp.

**Từ khóa:** Quốc hội, một viện, lưỡng viện, Việt Nam.

1. Hiến pháp (sửa đổi) năm 2013 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 28 tháng 11 năm 2013 đã quy định tổ chức Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm: Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.<sup>(1)</sup> Theo quy định trên của Hiến pháp, Quốc hội nước ta tổ chức theo mô hình một viện mà không theo mô hình “lưỡng viện”.

Liên quan đến việc này, trong quá trình góp ý cho Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được tiến hành vừa qua, có ý kiến cho rằng: chế độ nhà nước ta cần theo mô hình cộng hòa tổng thống hệ toàn phần; Quốc hội Việt Nam gồm hai viện là Hạ nghị viện và Thượng nghị viện; trong bộ máy nhà nước có Tổng thống và Thủ tướng; Quốc hội và Tổng thống do dân bầu trực tiếp, Thủ tướng do Quốc hội bầu; Tổng thống chỉ đạo cơ quan hành pháp, Thủ tướng giúp việc

Tổng thống trong lĩnh vực hoạt động này. Ý kiến khác lại cho rằng, Việt Nam cần theo chế độ cộng hòa nghị viện; Quốc hội cũng gồm hai viện là Hạ nghị viện và Thượng nghị viện; Quốc hội bầu ra Tổng thống, Thủ tướng và thông qua nội các Chính phủ; Tổng thống đóng vai trò nguyên thủ quốc gia và thuộc ngành lập pháp; Thủ tướng trực tiếp điều hành cơ quan hành pháp và chịu trách nhiệm trước Quốc hội... Ý kiến cho rằng Quốc hội nước ta cần có hai viện không phải là ý kiến mới mẻ. Ngay từ năm 1989, tại Việt Nam cũng đã xuất hiện ý kiến cho rằng, Quốc hội nên theo mô hình “lưỡng viện” và có quyền “quyết định mọi việc lớn nhỏ”. Ý kiến này đã bị bác bỏ tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (Khóa VI) của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta cần xem xét cụ thể hơn

<sup>(\*)</sup> Phó giáo sư, tiến sĩ, Hội đồng lý luận Trung ương.

<sup>(1)</sup> Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 10-12-2013 (Khoản 7, Điều 70, Chương V).

sự khác biệt giữa mô hình Quốc hội một viện ở Việt Nam với mô hình quốc hội lưỡng viện ở nhiều nước trên thế giới.

2. Trong mô hình cộng hòa tổng thống hệ toàn phần, tổng thống là nguyên thủ quốc gia, đồng thời cũng có quyền lực hành pháp trực tiếp và cao nhất, độc lập với quốc hội ở mức độ lớn; được bổ nhiệm các thành viên chính phủ của mình (trong đó không có thủ tướng). Trên thế giới hiện nay, tiêu biểu cho mô hình này là nước Mỹ. Trong mô hình Cộng hòa Tổng thống hệ bán phần như ở các nước Nga, Pháp, Chính phủ chịu trách nhiệm trước cả Quốc hội lẫn Tổng thống. Mặt khác, Tổng thống và Thủ tướng đều tham gia điều hành Chính phủ. Trong mô hình Cộng hòa nghị viện như ở Ấn Độ, Đức, Italia, Quốc hội bầu ra cả Tổng thống lẫn Thủ tướng. Nhưng Tổng thống chỉ đóng vai trò nguyên thủ quốc gia biểu tượng. Còn Thủ tướng nắm thực quyền hành pháp, độc lập với Tổng thống và chỉ chịu trách nhiệm trước Quốc hội.

Vấn đề cần quan tâm ở đây là, trong những mô hình tổ chức nhà nước trên, toàn bộ hệ thống các cơ quan nhà nước cũng như từng cơ quan thuộc những nhánh quyền lực trên có thực sự là “đại biểu của nhân dân” hay không? Tại Mỹ, Tổng thống do “đoàn đại cử tri” bầu ra, chứ không phải là do người dân hay Quốc hội bầu ra. Tuy vậy, Tổng thống có thực quyền rất lớn và có quyền hành pháp cao nhất. Trong khi đó, ở Nam Phi, Tổng thống chỉ do Quốc hội bầu ra, nhưng cũng có quyền lực lớn nhất và đứng đầu Chính phủ, đồng thời còn là

nguyên thủ quốc gia trên thực tế. Trái lại, ở Bồ Đào Nha, Tổng thống do dân bầu trực tiếp, nhưng lại không có quyền lực thực sự cả về hành pháp lẫn lập pháp, mà chỉ đóng vai trò nguyên thủ quốc gia biểu tượng.

Ở đây, bản thân việc người dân đi bầu cử, dù là trực tiếp hay gián tiếp thông qua đại biểu quốc hội, đều không phải là điều quan trọng quyết định làm nên thực lực, thực quyền của các chức danh, vị trí quyền lực nhà nước. Bởi vì về thực chất, giai cấp tư sản nói chung, những nhóm phái khác nhau của nó nói riêng và đặc biệt là các chính đảng tư sản tương ứng đã chi phối toàn bộ tiến trình bầu cử. Họ vạch ra lộ trình, ấn định nội dung, mức độ quyền lực, quyền hạn của các chức danh, và đồng thời quyết định cả sự phân chia quyền lực trong hệ thống bộ máy chính quyền nhà nước.

Ngay ở vòng bầu cử đầu tiên, hệ thống các luật định bầu cử của chế độ TBCN cũng như thực lực chính trị, tổ chức, tài chính, tư tưởng - tuyên truyền tranh cử của các chính đảng tư sản, trên thực tế đã loại bỏ tất cả những chính đảng phi tư sản, thậm chí kể cả các đảng tư sản nhỏ yếu. Ở vòng bầu cử tiếp theo, thì chỉ còn lại các đại biểu hoàn toàn không phải do dân cử, mà là của số ít những đảng phái tư sản lớn mạnh nhất.

Như vậy, bắt nguồn trực tiếp từ cơ sở kinh tế chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất (TLSX) và chế độ chính trị - pháp luật TBCN tương ứng là đa nguyên tư tưởng, đa đảng đối lập, tự do tranh cử, thì khi xét trong quy mô toàn xã hội, bộ máy nhà nước ở đây đều luôn

luôn chỉ thuộc về duy nhất một giai cấp tư sản nói chung cầm quyền và do duy nhất một chính đảng tư sản nói chung lãnh đạo. Dưới chế độ TBCN, điều này là một thực tế buộc phải chấp nhận đối với các giai cấp, tầng lớp phi tư sản bị trị, bị bóc lột, phụ thuộc. Thực tế đó, chính giai cấp tư sản cũng không hề che giấu. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ, theo phương thức ấy, quyền lực nhà nước sẽ được phân chia như thế nào giữa số ít các đảng tư sản chính yếu, cũng tức là giữa các nhóm phái lớn nhất tương ứng trong nội bộ giai cấp tư sản.

Nhưng mặt khác, xét từ góc độ mối quan hệ qua lại lẫn nhau bên trong, thì thật ra giai cấp tư sản không phải là một khối thống nhất chặt chẽ tuyệt đối, mà chỉ là giai cấp các nhà tư bản (hoặc các nhóm phái tư sản) độc lập, riêng lẻ, tự do cạnh tranh lẫn nhau trên thị trường và chính trường. Do đó, đảng nào thắng cử trong thực tế đương nhiên nắm giữ, độc chiếm chính quyền nhà nước ở cả ba nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chính “yếu tố đảng” này với quyền lực chính trị chung nhất, tổng quát của nó có một sức mạnh đặc biệt, đặc thù rất quan trọng. Đó là, nó có thể và thực sự đã luôn luôn xuyên thấu, xuyên suốt, vượt qua toàn bộ hệ thống chính trị. Khi đã cầm quyền, đảng có thể làm cho cơ chế “tam quyền phân lập” mất đi mọi hiệu lực, hiệu quả vốn có. Cơ chế đó tưởng như bảo đảm tuyệt đối cho sự tách biệt, đối trọng, kiểm soát quyền lực nhà nước, đã bị hình thức hóa và vô hiệu hóa ở mức độ đáng kể do tác động của đảng cầm quyền.

Rút cuộc là, nhà nước TBCN luôn luôn là của một giai cấp tư sản nói chung và một đảng tư sản nói chung. Mặt khác, gắn với mỗi cuộc bầu cử và ở mỗi nhiệm kỳ hoạt động, nhà nước ấy trong biểu hiện cụ thể của nó lại chỉ là của một đảng tư sản riêng lẻ, riêng biệt do thắng cử mà giành được vai trò đảng cầm quyền. Tình trạng đó không khỏi dẫn đảng cầm quyền đến sự độc đoán, độc quyền, lạm quyền, chuyên quyền. Điều này làm suy yếu toàn bộ hệ thống chính trị TBCN, gây tổn hại lợi ích của tất cả các bè cánh, nhóm phái tư sản và giai cấp tư sản nói chung.

**3.** Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản hiểu rất rõ mặt trái với những nguy cơ tiềm tàng ấy. Trong lịch sử hàng trăm năm của chế độ TBCN từ thế kỷ XVI - XVII đến nay, họ đã tìm tòi, áp dụng những phương thức, hình thức, cơ cấu, cơ chế chính trị - pháp luật khác nhau để hạn chế, khắc phục tình trạng chỉ một đảng phái tư sản riêng lẻ chiếm giữ, chi phối toàn bộ quyền lực nhà nước, bộ máy nhà nước.

Trước hết, theo một số nguyên tắc lựa chọn và bầu cử riêng, thượng nghị viện đã được lập ra như một thiết chế dường như khách quan, công tâm và công bằng hơn, ít mang tính đảng phái trực tiếp hơn so với hạ nghị viện. Nó chính là một cơ quan “đối trọng” chính thức, chính thống và có mặt thường xuyên để hạn chế, ngăn ngừa tình trạng hạ nghị viện và các ngành hành pháp, tư pháp dễ dàng thỏa thuận, thống nhất với nhau trong thực tế thi hành công vụ nhà nước. Đây là điều thường xảy ra, đơn giản vì

những chủ thể này xuất thân từ cùng một chính đảng cầm quyền. Khi ấy thượng nghị viện sẽ đưa ra những đề nghị dường như có phần gần với tiếng nói của các chính đảng, phe phái đối lập thiểu số, sẽ cân nhắc, tính đếm đến lợi ích của họ nhằm buộc hạ nghị viện và chính phủ, tòa án phải quan tâm, lưu ý điều chỉnh, sửa đổi quyết định của mình. Như vậy, ở đây thật ra thượng nghị viện đã thực hiện chức năng của một đảng tư sản nói chung, vượt lên trên các đảng tư sản riêng lẻ cụ thể để bảo vệ, duy trì lợi ích cho toàn bộ giai cấp tư sản, đồng thời củng cố, giữ vững chế độ TBCN.

Cũng có thể xảy ra trường hợp xuất hiện mâu thuẫn trầm trọng trong nội bộ đảng cầm quyền giữa nhóm “đảng viên quần chúng” ở nhánh lập pháp và nhóm “đảng viên lãnh đạo” ở nhánh hành pháp, hoặc xung đột gay gắt giữa những đại biểu của đảng đa số cầm quyền với đảng thiểu số tham chính trong hạ nghị viện. Những sự cố này dẫn đến nguy cơ khủng hoảng nhà nước, làm tê liệt hoạt động của cả chính phủ lẫn quốc hội. Khi đó, thượng nghị viện sẽ thực hiện vai trò quan trọng là hòa giải, điều hòa, điều chỉnh lợi ích giữa các bên. Hoặc nếu việc này không có kết quả, thì nó sẽ chịu trách nhiệm chính cùng với một số thiết chế nhất định khác đứng ra tổ chức lại bộ máy nhà nước.

Trong trường hợp quốc hội được tổ chức theo mô hình một viện với chế độ đa đảng, cũng có thể xảy ra hai khả năng hoạt động của nó bị biến dạng, sai lệch so với chức năng, nhiệm vụ thông thường. Thứ nhất là, quốc hội và chính

phủ cùng chịu sự chi phối của đảng cầm quyền, nên thường xuyên thỏa thuận, thỏa hiệp và hoàn toàn thống nhất hành động với nhau, gạt bỏ mọi ý kiến, nguyện vọng của phe thiểu số đối lập, làm tổn hại nghiêm trọng lợi ích cơ bản, cốt lõi của nó. Ở mức độ cực đoan nhất, sự thống nhất này còn biến đổi quốc hội thành “cái đuôi” của cơ quan hành pháp và chỉ còn đóng vai trò hợp pháp hóa một chiều thụ động mọi quyết định của chính phủ.

Thứ hai là, ngược lại giữa quốc hội và chính phủ có sự xung đột gay gắt, cản trở, chống đối lẫn nhau do mâu thuẫn giữa các đảng phái, phe nhóm, hoặc giữa những bộ phận khác nhau của bản thân đảng cầm quyền. Điều này có thể dẫn đến khủng hoảng chính trị của toàn bộ hệ thống bộ máy nhà nước. Chẳng hạn như chính phủ bị quốc hội bất tín nhiệm, hoặc quốc hội bị chia rẽ nặng nề tới mức phải giải tán...

Để phòng ngừa, khắc phục, giải quyết những tình trạng cực đoan này, một số biện pháp khác nhau đã được đề ra. Đó là, thay vì cả một thượng nghị viện, có thể xác lập chức danh tổng thống không đảng phái, “siêu đảng phái” (thực chất là đại biểu cho một đảng chung của toàn bộ giai cấp tư sản thống trị), đóng vai trò nguyên thủ quốc gia. Chức danh này do quốc hội bầu lên hay kể cả do dân bầu, nhưng không có thực quyền cả hành pháp lẫn lập pháp, mà chủ yếu chỉ là để ứng phó với khủng hoảng chính trị. Ở những nước có chế độ quân chủ đại nghị (quân chủ lập hiến) như ở Anh, thì Nhà vua, Nữ hoàng đảm trách luôn việc này.

Cũng có biện pháp khác là, ban hành luật cho phép phe đối lập thiểu số trong quốc hội quyền kháng nghị đặc biệt đối với một số đạo luật, chính sách không đạt được sự đồng thuận ở mức độ cao nhất định. Hay có biện pháp khác nữa là thành lập cơ quan bảo hiến với các tên gọi khác nhau như tòa án hiến pháp, viện bảo hiến, hội đồng bảo hiến... Những thiết chế này, đặc biệt là tòa án hiến pháp, có thể được trao quyền phán quyết là hợp hiến hay vi hiến bất kỳ đạo luật, chính sách, quyết định nào của cả ba ngành lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cơ quan bảo hiến với chức trách, quyền hạn như vậy, về hình thức là có quyền lực thứ tư, độc lập và thậm chí còn cao hơn cả ba quyền truyền thống. Tuy nhiên, trong thực tế nó không hề vượt lên trên hay vượt ra ngoài khuôn khổ lợi ích và quyền lực của một giai cấp tư sản chung, một đảng tư sản chung, một nhà nước TBCN chung, một hệ thống chính trị và chế độ TBCN chung.

Trong trường hợp quốc hội một viện với chế độ một đảng duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, thì về nguyên tắc cũng như trên thực tế, khả năng khủng hoảng trong nội bộ quốc hội hay giữa quốc hội với chính phủ là rất thấp. Tuy nhiên, lúc này cũng như đối với mô hình quốc hội một viện nói chung, quốc hội một viện với chế độ một đảng cũng có thể vấp phải tình trạng không giữ được vị thế độc lập cần thiết, mà lại trở nên thống nhất một chiều và phụ thuộc vào chính phủ. Khi đó, cơ quan lập pháp sẵn sàng chính thống hóa, chính thức hóa mọi chính sách, quyết định của cơ quan hành

pháp vốn chỉ có chức năng hành chính, thực hiện nhiệm vụ chấp hành, thừa hành hiến pháp, luật pháp do cơ quan lập pháp ban hành.

Một giải pháp có hiệu quả tích cực và hiệu lực triệt để cho vấn đề này không thể rút ra được chỉ từ khuôn khổ giới hạn của chính hệ thống bộ máy nhà nước. Nó hoàn toàn và trực tiếp phụ thuộc vào việc đảng cầm quyền chủ trương xây dựng mô hình hệ thống chính trị, mô hình hệ thống nhà nước ra sao, dựa trên những nguyên tắc nào, định hướng phục vụ cho ai. Như vậy, điều đặc biệt quan trọng và có tính thực chất là: bản thân đảng đại biểu cho lợi ích giai cấp nào, đồng thời có đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động, dân tộc và đất nước hay không.

4. Ở nước ta, từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành chính đảng duy nhất lãnh đạo và cầm quyền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước công nông được thiết lập theo nguyên tắc thống nhất quyền lực nhà nước, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, được tổ chức theo mô hình một viện thống nhất và duy nhất.

Theo những nguyên tắc cơ bản trên đây của cả hệ thống chính trị, trong thực tiễn hoạt động của Quốc hội nước ta không có tình trạng phân hóa, đối lập về

chính trị giữa các giai cấp, phe nhóm, đảng phái như nghị viện TBCN. Trên phạm vi toàn hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước, giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp cũng không xảy ra mâu thuẫn, xung đột, khủng hoảng. Nhân tố quyết định đảm bảo cho sự thống nhất, ổn định đó chính là vai trò lãnh đạo của Đảng. Do thế, tổ chức Quốc hội nước ta theo mô hình một viện là hợp lý, đúng đắn, còn mô hình hai viện là hoàn toàn không phù hợp, không hiệu quả. Một cơ quan như thượng nghị viện trong điều kiện cụ thể của hệ thống chính trị nước ta hiện nay là thừa.

Từ góc độ các khoa học chính trị, khoa học pháp luật, khoa học tổ chức cũng có thể và cần nghiên cứu, tham khảo, vận dụng một cách thích hợp những cơ chế, biện pháp cân bằng quyền lực để ngăn ngừa, khắc phục sự thoái hóa, tha hóa, lạm dụng quyền lực, góp phần đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN) của chúng ta hiện nay. Tuy nhiên, dù sao thì đó cũng chỉ là phương diện chuyên môn hạn hẹp của vấn đề rộng lớn, có ý nghĩa thực chất hơn và mang tính chính trị xã hội, chính trị giai cấp trực tiếp, sâu sắc. Đó là việc đảm bảo sự lãnh đạo duy nhất, thống nhất và đúng đắn của Đảng đối với Nhà nước, ngay trong điều kiện bản thân Đảng đồng thời lại thực hiện nhiệm vụ cầm quyền. Tức là khi một bộ phận quan trọng của tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên trực tiếp tham gia vào bộ máy Nhà nước, và trở thành lực lượng chính của bộ máy ấy.

Sự lãnh đạo của Đảng chính là

phương hướng, phương thức, biện pháp, giải pháp thực tế cơ bản quan trọng nhất, mang tính tổng thể vĩ mô làm cho Nhà nước luôn thống nhất, ổn định, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả và thực sự trở thành của dân, do dân, vì dân. Sự lãnh đạo ấy về cơ bản làm cho các cơ chế tam quyền phân lập, đa nguyên đa đảng, hay thiết chế thượng nghị viện kiểu tư sản vốn đã mang tính hình thức, lại càng trở nên hoàn toàn không cần thiết.

Trong mối quan hệ với một yếu tố cơ bản, quyết định và quan trọng nhất là lợi ích chung thống nhất tối cao của toàn bộ giai cấp tư sản và chế độ TBCN, thì thật ra các cơ chế và thiết chế chính trị - pháp luật tư sản đó cũng không phải là những “nguyên lý” xuất phát tối cao có tính độc lập, tự thân tuyệt đối. Về mặt này mà nói, xét về bản chất chúng chỉ là hệ quả thứ yếu, hoàn toàn phụ thuộc và phục vụ lợi ích ấy. Chúng phần nhiều là mang tính hình thức và chỉ có ý nghĩa tác dụng tương đối, tức là chủ yếu về mặt “kỹ thuật” tổ chức - pháp lý theo những tiêu chí tư sản và TBCN. Đặc biệt, các cơ chế và thiết chế đó đều bị chi phối, quyết định gián tiếp bởi một đảng tư sản nói chung lãnh đạo và trực tiếp bởi những đảng tư sản cụ thể cầm quyền.

Những người có ý kiến cho rằng ở nước ta cần phải thiết lập Quốc hội “lưỡng viện” với chủ ý nhấn mạnh vào việc có thêm thượng nghị viện, luôn gắn việc thiết lập thượng vụ nghị viện với việc thực hiện chế độ đa đảng đối lập về chính trị, tự do đảng phái, tự do tranh cử. Thực chất và cũng là hệ lụy tất yếu

kéo theo của việc thiết lập thượng nghị viện là ở chỗ, khi thiết chế này xuất hiện thì rõ ràng vị trí, vai trò độc quyền lãnh đạo của Đảng bị chia sẻ, thách thức. Thực hiện những ý kiến này chính là tạo ra sẵn khung khổ pháp lý - hiến định và thể chế chính trị - pháp luật cho ý đồ hạn chế, hạ thấp, thậm chí là xóa bỏ vai trò lãnh đạo và cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quốc hội nước ta từ khi mới thành lập năm 1946 đến nay dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, được tổ chức theo một mô hình nhất quán, phù hợp với tình hình đất nước. Mô hình đó có điểm chung và cả nét riêng so với các mô hình Quốc hội ở các nước TBCN, kể cả ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu trước đây. Quốc hội nước ta do dân bầu trực tiếp, được tổ chức thống nhất, chỉ gồm một viện. Sau khi được thành lập, Quốc hội bầu Chủ tịch nước, Thủ tướng.

Trong điều kiện có Đảng Cộng sản Việt Nam duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, thì Quốc hội không có sự phân tách thành các đảng phái khác nhau. Do đó trong Quốc hội không có yêu cầu về việc phải điều hòa hoạt động giữa các đảng. Việc thống nhất điều hành mọi hoạt động và giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ lập pháp và khoa học pháp lý được giải quyết bởi Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban chuyên môn của Quốc hội.

Để Quốc hội nước ta thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước, để quyền lập pháp (và lập hiến)

thực sự cao hơn các quyền hành pháp và quyền tư pháp, thì bản thân Quốc hội phải nâng cao vai trò và chất lượng, hiệu quả hoạt động của mình. Đồng thời Quốc hội phải góp phần cùng với Chính phủ, Tòa án và Viện kiểm sát thực hiện tốt nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, cũng như sự phân công, phối hợp, kiểm soát các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Nhưng ở đây đối với Quốc hội cũng như tất cả các cơ quan nhà nước khác và toàn bộ hệ thống chính trị, điều cơ bản quyết định và quan trọng nhất là phải đảm bảo giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính đảng duy nhất đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc ta.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Đức Bình, Trần Ngọc Hiền, Đoàn Trọng Truyền (đồng chủ biên) (1999), *Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đặng Đình Tân (2004), *Thể chế đảng cầm quyền - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Ngọc Trâm (2011), *Quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam (1986-2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rứa, Trần Khắc Việt (đồng chủ biên) (2004), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia.
5. Nguyễn Văn Yếu, Lê Hữu Nghĩa (đồng chủ biên) (2006), *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

